TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GD** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thản
2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B C, sinh năm: 1985, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 41 ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn*: Anh Đinh Chí T, sinh năm: 1981, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 41 ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị B C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đinh Chí T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tìm hiểu, có làm lễ phạt, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG , huyện GD. Ngày phạt bên chồng có cho 01 đôi bông tai vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, không biết bao nhiêu, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Phạt xong vợ chồng sống chung nhà ông bà nội chồng được 02 tháng thì vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ chị, sau đó vợ chồng cất nhà ra ở riêng tại ấp CA, xã CG, huyện GD. Vợ chồng sống đến đầu tháng 6 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do anh T ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị, anh nói chị có quan hệ bất chính với người khác, nhưng chị không có, vợ chồng không ai quan tâm đến ai,

cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh T;

- *Về con chung*: Có 01 con tên Đinh Hồng P, sinh ngày 12-02-2005 hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng;

- *Về tài sản chung*: Có 01 căn nhà và 02 con trâu anh Tâm quản lý, chị không yêu cầu giải quyết;

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 07-8-2019 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đinh Chí T trình bày: Anh và chị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám phạt, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CG, huyện GD, ngày phạt bên gia đình anh có cho 01 đôi bông và 01 sợi dây chuyền, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Lúc đầu anh chị sống chung nhà bà nội, sau đó vợ chồng cất nhà ra ở riêng. Vợ chồng sống đến ngày 04-5-2019 (al) anh bắt gặp vợ nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, thường xuyên gọi điện cho người đó, anh hỏi thì vợ không nhận, từ đó vợ chồng xảy ra cải vã gây gổ nhau, đến ngày 07-5-2019 vợ bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn;

Về con chung: Có 01 con tên Đinh Hồng P, sinh ngày 12-02-2005, hiện vợ đang nuôi, anh đồng ý giao vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết; đồng thời anh có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án , Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị C, anh T đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị C và anh T có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T; về con chung: Giao chị C tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Đinh Hồng P, sinh ngày 12-02-2005, ghi nhận chị C không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: Chị C khai có căn nhà và 02 con trâu anh T giữ, anh T khai không có, anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: Chị C và anh T khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị C, anh T có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Bích C và anh Đinh Chí T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị C thì do anh T ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị, anh nói chị có quan hệ bất chính với người khác, nhưng chị không có, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi từ tháng 6-2019 và xin ly hôn.

Theo anh T là do ngày 04-5-2019 (al) anh bắt gặp vợ nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, thường xuyên gọi điện cho người đó, anh hỏi thì vợ không thừa nhận, từ đó vợ chồng xảy ra cải vã gây gổ nhau, đến ngày 07-5-2019 (al) vợ bỏ đi và vợ chồng ly thân luôn. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Ngày 07-8-2019 Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh T vẫn vắng mặt.

Xét thấy, mặc dù lời khai của anh chị có mâu thuẫn nhau, nhưng Tòa án mời anh chị đến để tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh chị không đến, mà có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Chứng tỏ anh chị không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị C và anh T khai có 01 con tên Đinh Hồng P, sinh ngày 12-02-2005, hiện chị C đang nuôi. Nay chị C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T đồng ý giao con cho chị C nuôi, anh không cấp dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của anh chị thống nhất với nhau và phù hợp với nguyện vọng của cháu P, nên cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Chị C khai có căn nhà và 02 con trâu anh T giữ, anh T khai không có, anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị C và anh T khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị C phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Nguyễn Bích C đối với anh Đinh Chí T. Chị C được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: Giao chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đinh Hồng P, sinh ngày 12-02-2005. Ghi nhận chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị C khai có căn nhà và 02 con trâu anh T giữ, anh T khai không có, anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Chị C và anh T khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị C chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo Biên lai thu số 0009294 ngày 10-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị C, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã CG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An